

KẾT QUẢ THI TIN HỌC  
Đợt thi tháng 07 năm 2025

Môn thi: Excel - P2

| STT | HỌ VÀ TÊN            |     | MÃ SV    | NGÀY SINH  | P2_EXTN | P2_EXTH | ĐIỂM | Đạt |
|-----|----------------------|-----|----------|------------|---------|---------|------|-----|
| 1   | Chúc Danh            | An  | 21122470 | 22/08/2003 | 6.60    | 9.00    | 7.80 | x   |
| 2   | Lê Nguyễn Thị Diệu   | An  | 22128004 | 25/08/2004 | 5.80    | 7.50    | 6.70 | x   |
| 3   | Nguyễn Bình          | An  | 22128005 | 01/08/2004 | 5.80    | 4.40    | 5.10 |     |
| 4   | Nguyễn Hoài          | An  | 22124001 | 23/03/2004 | 8.20    | 8.40    | 8.30 | x   |
| 5   | Nguyễn Đăng Phước    | An  | 22122002 | 06/08/2004 | 7.40    | 9.40    | 8.40 | x   |
| 6   | Nguyễn Ngọc Thùy     | An  | 22128006 | 31/03/2004 | 5.80    | 5.50    | 5.70 | x   |
| 7   | Nguyễn Thành         | An  | 22129001 | 18/09/2004 | 7.60    | 7.50    | 7.60 | x   |
| 8   | Đình Nguyễn Thuý     | An  | 19145001 | 25/12/2001 | 6.30    | 1.50    | 3.90 |     |
| 9   | CHÂU NGỌC            | ANH | 23126008 | 22/11/2005 | 8.30    | 8.90    | 8.60 | x   |
| 10  | Cù Ngọc              | Anh | 20122239 | 17/04/2002 | 4.00    | 0.00    | 2.00 |     |
| 11  | Lê Nguyễn Quế        | Anh | 19111003 | 17/07/2001 | 6.20    | 5.00    | 5.60 | x   |
| 12  | LÊ NGUYỄN TUẤN       | ANH | 23138002 | 21/04/2005 | 4.70    | 2.50    | 3.60 |     |
| 13  | Lê Đức               | Anh | 21112379 | 19/05/2003 | 6.50    | 9.00    | 7.80 | x   |
| 14  | Lê Phương            | Anh | 22122008 | 14/11/2004 | 5.20    | 2.50    | 3.90 |     |
| 15  | LÊ TRẦN MINH         | ANH | 23128011 | 22/07/2005 | 5.20    | 7.00    | 6.10 | x   |
| 16  | Nguyễn Hà Minh       | Anh | 22129008 | 29/11/2004 | 5.80    | 1.40    | 3.60 |     |
| 17  | Nguyễn Ngọc Phương   | Anh | 22128012 | 01/01/2003 | 8.00    | 7.50    | 7.80 | x   |
| 18  | Nguyễn Ngọc Phương   | Anh | 22120009 | 01/01/2004 | 7.00    | 7.00    | 7.00 | x   |
| 19  | Nguyễn Phạm Hồng     | Anh | 19112007 | 24/08/2001 | 5.30    | 5.50    | 5.40 | x   |
| 20  | Nguyễn Phương        | Anh | 22122012 | 09/11/2004 | 8.00    | 8.80    | 8.40 | x   |
| 21  | Nguyễn Thị Kiều      | Anh | 22122013 | 25/05/2004 | 6.50    | 6.50    | 6.50 | x   |
| 22  | Nguyễn Thị Kim       | Anh | 20112183 | 29/06/2002 | 5.70    | 5.40    | 5.60 | x   |
| 23  | Đỗ Thị Kim           | Anh | 19124007 | 31/03/2001 | 4.30    | 7.00    | 5.70 |     |
| 24  | PHẠM MINH            | ANH | 23126013 | 26/04/2005 | 5.20    | 3.90    | 4.60 |     |
| 25  | Thái Văn Đức         | Anh | 21112384 | 15/09/2003 | 8.60    | 8.40    | 8.50 | x   |
| 26  | Trần Ngọc Lan        | Anh | 20128149 | 07/07/2002 | 5.90    | 5.40    | 5.70 | x   |
| 27  | Trương Nguyễn Phương | Anh | 20111167 | 05/11/2002 | 6.10    | 5.50    | 5.80 | x   |
| 28  | Aty                  | Aty | 19113196 | 15/10/2001 | 6.10    | 0.50    | 3.30 |     |
| 29  | Nguyễn Hồng          | Ấ   | 21120325 | 07/07/2003 | 5.00    | 6.50    | 5.80 | x   |

KẾT QUẢ THI TIN HỌC  
Đợt thi tháng 07 năm 2025

Môn thi: Excel - P2

| STT | HỌ VÀ TÊN          |        | MÃ SV    | NGÀY SINH  | P2_EXTN | P2_EXTH | ĐIỂM | Đạt |
|-----|--------------------|--------|----------|------------|---------|---------|------|-----|
| 30  | Hồ Thị Bảo         | Ái     | 20123108 | 10/12/2002 | 5.90    | 3.00    | 4.50 |     |
| 31  | Lê Thanh           | Ái     | 20126178 | 09/07/2002 | 5.80    | 5.00    | 5.40 | x   |
| 32  | Dương Đình         | Anh    | 22128015 | 10/01/2004 | 3.90    | 0.00    | 2.00 |     |
| 33  | Hà Thị Ngọc        | Anh    | 21129554 | 23/10/2003 | 4.50    | 2.50    | 3.50 |     |
| 34  | Nguyễn Kinh        | Anh    | 21135248 | 14/03/2003 | 6.60    | 9.00    | 7.80 | x   |
| 35  | Trần Ngọc          | Anh    | 22129016 | 17/06/2004 | 6.50    | 6.40    | 6.50 | x   |
| 36  | LÊ THÁI            | BẰNG   | 23154006 | 03/08/2005 | 7.60    | 8.00    | 7.80 | x   |
| 37  | NGUYỄN VĂN         | BẰNG   | 23116006 | 27/12/2005 | 4.00    | 0.00    | 2.00 |     |
| 38  | Vũ Khánh           | Bằng   | 21129556 | 18/09/2003 | 6.40    | 5.40    | 5.90 | x   |
| 39  | Nguyễn Tiểu        | Bảo    | 19118013 | 20/09/2001 | 4.20    | 1.00    | 2.60 |     |
| 40  | Phạm Lê Nguyên     | Bảo    | 21118178 | 03/09/2003 | 4.40    | 0.00    | 2.20 |     |
| 41  | Trương Gia         | Bảo    | 22145005 | 05/08/2004 | 3.60    | 0.00    | 1.80 |     |
| 42  | Võ Hoàng Gia       | Bảo    | 20138072 | 26/08/2002 | 4.90    | 0.00    | 2.50 |     |
| 43  | Trần Ngọc          | Bích   | 22122027 | 13/02/2004 | 6.70    | 7.50    | 7.10 | x   |
| 44  | Nguyễn Dương       | Bình   | 21155063 | 01/03/2003 | 3.60    | 5.80    | 4.70 |     |
| 45  | Nguyễn Thị Xuân    | Bình   | 22122028 | 10/10/2004 | 7.60    | 6.50    | 7.10 | x   |
| 46  | Đình Nguyễn Như    | Bình   | 21128213 | 25/10/2003 | 4.80    | 5.40    | 5.10 |     |
| 47  | PHẠM THỊ THANH     | BÌNH   | 23120017 | 08/06/2005 | 6.60    | 7.50    | 7.10 | x   |
| 48  | Hùng Kiều Ngọc     | Cẩm    | 22123012 | 19/11/2004 | 5.10    | 5.00    | 5.10 | x   |
| 49  | ĐỖ THỊ XUÂN        | CẨM    | 24149008 |            | 6.00    | 6.50    | 6.30 | x   |
| 50  | Nguyễn Thanh       | Cảnh   | 22149006 | 31/08/2004 | 8.60    | 9.00    | 8.80 | x   |
| 51  | DƯƠNG THỊ HẢI      | CHÂU   | 23120019 | 18/01/2005 | 5.20    | 5.50    | 5.40 | x   |
| 52  | Nguyễn Hoàng       | Châu   | 22149007 | 13/08/2004 | 8.20    | 5.40    | 6.80 | x   |
| 53  | Nguyễn Hoàng Kim   | Châu   | 22145008 | 22/07/2004 | 6.40    | 6.00    | 6.20 | x   |
| 54  | Nguyễn Minh        | Châu   | 17131010 | 14/07/1999 | 3.20    | 1.50    | 2.40 |     |
| 55  | Nguyễn Thị         | Chi    | 21112346 | 04/09/2002 | 6.70    | 5.50    | 6.10 | x   |
| 56  | Nguyễn Thị Mai     | Chi    | 20122621 | 10/08/2002 | 3.40    | 1.50    | 2.50 |     |
| 57  | Vũ Xuân            | Chiến  | 21130298 | 18/01/2003 | 4.50    | 7.40    | 6.00 |     |
| 58  | Nguyễn Viết Nguyên | Chương | 20118127 | 09/04/2002 | 5.00    | 1.80    | 3.40 |     |

KẾT QUẢ THI TIN HỌC  
Đợt thi tháng 07 năm 2025

Môn thi: Excel - P2

| STT | HỌ VÀ TÊN       |        | MÃ SV    | NGÀY SINH  | P2_EXTN | P2_EXTH | ĐIỂM | Đạt |
|-----|-----------------|--------|----------|------------|---------|---------|------|-----|
| 59  | Giáp Văn        | Chuyên | 22122031 | 23/09/2004 | 7.70    | 9.40    | 8.60 | x   |
| 60  | Phạm Thành      | Công   | 21126294 | 10/12/2003 | 7.20    | 5.00    | 6.10 | x   |
| 61  | Nguyễn Lý Kim   | Cường  | 22128024 | 04/10/2004 | 6.70    | 5.00    | 5.90 | x   |
| 62  | Dương Trí       | Cường  | 21112747 | 16/09/2003 | 6.20    | 1.50    | 3.90 |     |
| 63  | Lê Mạnh         | Cường  | 22145011 | 11/01/2004 | 6.90    | 0.80    | 3.90 |     |
| 64  | Nguyễn Công     | Danh   | 21122498 | 06/07/2003 | 5.80    | 8.10    | 7.00 | x   |
| 65  | NGUYỄN THANH    | DANH   | 23112038 | 29/10/2005 | 6.10    | 6.90    | 6.50 | x   |
| 66  | LÊ THỊ          | DIỄM   | 23122026 | 14/06/2005 | 7.70    | 8.10    | 7.90 | x   |
| 67  | Lê Thị          | Diễm   | 18113221 | 13/09/2000 | 4.70    | 1.90    | 3.30 |     |
| 68  | Mang Thị Kiều   | Diễm   | 22120022 | 12/09/2004 | 7.20    | 2.50    | 4.90 |     |
| 69  | Nguyễn Mai Thị  | Diệu   | 21139256 | 20/08/2003 | 5.00    | 4.00    | 4.50 |     |
| 70  | NGUYỄN THỊ      | DIỆU   | 23120026 | 16/05/2004 | 6.10    | 6.40    | 6.30 | x   |
| 71  | Phan Thị Huyền  | Diệu   | 21112410 | 26/05/2003 | 7.20    | 9.50    | 8.40 | x   |
| 72  | Trịnh Tấn       | Dư     | 20137070 | 27/02/2002 | 5.30    | 3.50    | 4.40 |     |
| 73  | VÕ THÙY         | DƯƠNG  | 23124042 | 14/11/2005 | 5.30    | 9.00    | 7.20 | x   |
| 74  | Trần Quang      | Du     | 22153021 | 16/01/2004 | 3.70    | 3.80    | 3.80 |     |
| 75  | HUỲNH LÊ THANH  | DUNG   | 23126042 | 01/01/2005 | 5.40    | 2.40    | 3.90 |     |
| 76  | Mai Thị Thùy    | Dung   | 22120028 | 01/09/2004 | 5.10    | 6.00    | 5.60 | x   |
| 77  | Vũ Ngọc Thùy    | Dung   | 22123026 | 18/01/2004 | 7.20    | 7.90    | 7.60 | x   |
| 78  | Vũ Tiến         | Dũng   | 21120359 | 25/02/2003 | 6.20    | 5.50    | 5.90 | x   |
| 79  | Dư Thị Thúy     | Duy    | 21120040 | 06/09/2003 | 5.80    | 7.00    | 6.40 | x   |
| 80  | PHẠM HỮU        | DUY    | 23129105 | 14/03/2005 | 6.40    | 5.40    | 5.90 | x   |
| 81  | Trần Hữu        | Duy    | 22128037 | 18/01/2004 | 5.20    | 6.50    | 5.90 | x   |
| 82  | Trần Ngọc       | Duy    | 22120033 | 10/10/2004 | 7.40    | 8.50    | 8.00 | x   |
| 83  | Ngô Vô Kỳ       | Duyên  | 19112248 | 10/05/2001 | 5.80    | 1.50    | 3.70 |     |
| 84  | NGUYỄN MAI      | DUYÊN  | 23120036 | 10/12/2005 | 6.20    | 6.90    | 6.60 | x   |
| 85  | Nguyễn Thị Kiều | Duyên  | 21126316 | 15/03/2003 | 6.80    | 9.00    | 7.90 | x   |
| 86  | Nguyễn Thị Mỹ   | Duyên  | 21129604 | 05/12/2003 | 5.00    | 7.00    | 6.00 | x   |
| 87  | Nguyễn Thị Mỹ   | Duyên  | 22113017 | 14/02/2004 | 2.90    | 0.00    | 1.50 |     |

KẾT QUẢ THI TIN HỌC  
Đợt thi tháng 07 năm 2025

Môn thi: Excel - P2

| STT | HỌ VÀ TÊN        |       | MÃ SV    | NGÀY SINH  | P2_EXTN | P2_EXTH | ĐIỂM | Đạt |
|-----|------------------|-------|----------|------------|---------|---------|------|-----|
| 88  | Trần Kim         | Duyên | 22128039 | 25/08/2004 | 7.00    | 5.00    | 6.00 | x   |
| 89  | LÊ NGUYỄN CẨM    | GIANG | 23123019 | 25/08/2005 | 3.90    | 2.50    | 3.20 |     |
| 90  | Nguyễn Thị Quỳnh | Giang | 22122069 | 06/08/2004 | 6.00    | 4.40    | 5.20 |     |
| 91  | Trần Đỗ Gia      | Giang | 20124299 | 07/06/2002 | 6.90    | 3.00    | 5.00 |     |
| 92  | TRẦN THỊ HƯƠNG   | GIANG | 23149030 | 23/04/2005 | 4.90    | 8.00    | 6.50 |     |
| 93  | LÊ THỊ NGỌC      | HÂN   | 23120043 | 25/03/2005 | 6.80    | 8.40    | 7.60 | x   |
| 94  | Đặng Bảo         | Hân   | 21115138 | 12/03/2003 | 5.40    | 6.00    | 5.70 | x   |
| 95  | NGUYỄN GIA       | HÂN   | 23128035 | 24/03/2005 | 4.00    | 5.80    | 4.90 |     |
| 96  | NGUYỄN NGỌC GIA  | HÂN   | 23128036 | 15/11/2005 | 5.90    | 5.00    | 5.50 | x   |
| 97  | NGUYỄN NGỌC GIA  | HÂN   | 23120044 | 26/09/2005 | 7.50    | 5.00    | 6.30 | x   |
| 98  | Nguyễn Thị Hồng  | Hân   | 21155089 | 06/10/2003 | 7.70    | 7.40    | 7.60 | x   |
| 99  | Nguyễn Trần Ngọc | Hân   | 21120058 | 04/10/2003 | 6.60    | 6.40    | 6.50 | x   |
| 100 | Phạm Mai         | Hân   | 22113022 | 09/04/2004 | 5.30    | 2.00    | 3.70 |     |
| 101 | Phan Lê Ngọc     | Hân   | 21139282 | 28/09/2003 | 5.80    | 3.90    | 4.90 |     |
| 102 | Trần Thị Kiều    | Hân   | 21111040 | 30/08/2003 | 5.90    | 6.30    | 6.10 | x   |
| 103 | CAO THỊ KIM      | HẰNG  | 23126056 | 03/04/2005 | 8.40    | 8.00    | 8.20 | x   |
| 104 | Huỳnh Thị Thanh  | Hằng  | 19155019 | 10/01/2001 | 3.60    | 0.00    | 1.80 |     |
| 105 | Nguyễn Thị Thúy  | Hằng  | 22129067 | 29/03/2004 | 7.90    | 9.40    | 8.70 | x   |
| 106 | Lê Thụy Tuyết    | Hạnh  | 14122242 | 24/12/1995 | 5.40    | 5.80    | 5.60 | x   |
| 107 | Thái Gia         | Hạnh  | 20138083 | 11/06/2002 | 8.10    | 6.00    | 7.10 | x   |
| 108 | Trần Ngọc        | Hạnh  | 22129073 | 17/12/2004 | 7.60    | 7.40    | 7.50 | x   |
| 109 | Võ Thị Bé        | Hạnh  | 20122625 | 12/04/2002 | 3.20    | 1.90    | 2.60 |     |
| 110 | Dương Thị Thu    | Hà    | 22129060 | 01/10/2004 | 7.50    | 9.50    | 8.50 | x   |
| 111 | Lâm Thị Thu      | Hà    | 20125280 | 21/09/2001 | 2.40    | 1.50    | 2.00 |     |
| 112 | LÊ THỊ THÚY      | HÀ    | 23120039 | 14/09/2005 | 7.80    | 7.00    | 7.40 | x   |
| 113 | Nguyễn Thị Thanh | Hà    | 20123245 | 01/01/2002 | 3.70    | 3.00    | 3.40 |     |
| 114 | Nguyễn Văn Cường | Hào   | 18112060 | 11/08/1998 | 5.00    | 0.40    | 2.70 |     |
| 115 | PHẠM NHẬT        | HÀO   | 23139016 | 06/08/2005 | 5.80    | 7.90    | 6.90 | x   |
| 116 | PHẠM VŨ THANH    | HÀO   | 23149037 | 13/12/2005 | 6.70    | 7.60    | 7.20 | x   |

KẾT QUẢ THI TIN HỌC  
Đợt thi tháng 07 năm 2025

Môn thi: Excel - P2

| STT | HỌ VÀ TÊN         |      | MÃ SV    | NGÀY SINH  | P2_EXTN | P2_EXTH | ĐIỂM | Đạt |
|-----|-------------------|------|----------|------------|---------|---------|------|-----|
| 117 | Võ Thới Anh       | Hào  | 21111239 | 08/07/2003 | 4.00    | 0.00    | 2.00 |     |
| 118 | Huỳnh Văn         | Hải  | 21111230 | 28/01/2003 | 3.80    | 0.00    | 1.90 |     |
| 119 | Lê Phan Minh      | Hải  | 20118153 | 04/06/2002 | 4.30    | 1.50    | 2.90 |     |
| 120 | Vũ Đình           | Hải  | 21118222 | 31/12/2003 | 4.70    | 1.50    | 3.10 |     |
| 121 | Lê Văn            | Hảo  | 19131008 | 10/05/2001 | 6.40    | 5.00    | 5.70 | x   |
| 122 | Châu Thị Thái     | Hiền | 22155035 | 07/05/2004 | 6.30    | 1.50    | 3.90 |     |
| 123 | NGUYỄN THỊ THU    | HIỀN | 23122068 | 16/03/2005 | 4.40    | 5.80    | 5.10 |     |
| 124 | Võ Ngọc Mỹ        | Hiền | 22112101 | 29/05/2004 | 7.80    | 8.50    | 8.20 | x   |
| 125 | Vũ Thanh          | Hiền | 22112102 | 11/02/2004 | 5.00    | 5.00    | 5.00 | x   |
| 126 | Vũ Thị Thanh      | Hiền | 22128049 | 16/01/2001 | 7.40    | 5.30    | 6.40 | x   |
| 127 | Huỳnh Minh        | Hiển | 21111241 | 17/10/2003 | 5.50    | 7.30    | 6.40 | x   |
| 128 | Phạm Quang        | Hiển | 22122104 | 03/09/2004 | 6.80    | 3.00    | 4.90 |     |
| 129 | Doanh Đức         | Hiếu | 21111243 | 29/06/2003 | 4.10    | 0.00    | 2.10 |     |
| 130 | LÊ BÁ MINH        | HIẾU | 23138024 | 19/07/2005 | 6.50    | 7.40    | 7.00 | x   |
| 131 | LÊ ĐÌNH TRUNG     | HIẾU | 23138025 | 19/04/2005 | 7.00    | 6.00    | 6.50 | x   |
| 132 | Mai Phùng         | Hiếu | 22123042 | 03/12/2004 | 6.60    | 9.00    | 7.80 | x   |
| 133 | Nguyễn Đỗ Thị     | Hiếu | 21120068 | 17/10/2003 | 4.60    | 0.00    | 2.30 |     |
| 134 | Đình Nguyễn Trung | Hiếu | 21120067 | 31/10/2003 | 5.50    | 3.50    | 4.50 |     |
| 135 | Phạm Trung        | Hiếu | 22128051 | 29/03/2004 | 3.20    | 1.50    | 2.40 |     |
| 136 | Quách Xuân        | Hiếu | 21138116 | 01/06/2003 | 5.50    | 5.40    | 5.50 | x   |
| 137 | Trần Trung        | Hiếu | 20118164 | 23/01/2002 | 6.10    | 0.00    | 3.10 |     |
| 138 | Võ Minh           | Hiếu | 20153078 | 28/02/2002 | 7.50    | 8.90    | 8.20 | x   |
| 139 | Hoàng Thị Tuyết   | Hoa  | 15122062 | 26/10/1997 | 5.60    | 5.50    | 5.60 | x   |
| 140 | Nguyễn Ngọc Mai   | Hoa  | 22128053 | 19/01/2004 | 8.40    | 7.90    | 8.20 | x   |
| 141 | Nguyễn Thị Quỳnh  | Hoa  | 21129662 | 11/09/2003 | 7.60    | 7.50    | 7.60 | x   |
| 142 | Trần Thị Mai      | Hoa  | 22129087 | 03/05/2004 | 6.80    | 7.80    | 7.30 | x   |
| 143 | TRƯƠNG MỸ         | HOA  | 23120053 | 19/12/2005 | 5.10    | 1.50    | 3.30 |     |
| 144 | Lâm Long          | Hồ   | 20118166 | 10/05/2002 | 5.30    | 5.00    | 5.20 | x   |
| 145 | TRẦN NGỌC         | HOAN | 23138030 | 06/12/2005 | 7.30    | 7.40    | 7.40 | x   |

KẾT QUẢ THI TIN HỌC  
Đợt thi tháng 07 năm 2025

Môn thi: Excel - P2

| STT | HỌ VÀ TÊN         |       | MÃ SV    | NGÀY SINH  | P2_EXTN | P2_EXTH | ĐIỂM | Đạt |
|-----|-------------------|-------|----------|------------|---------|---------|------|-----|
| 146 | Nguyễn Thị Thu    | Hồng  | 20125421 | 24/09/2002 | 4.80    | 2.40    | 3.60 |     |
| 147 | Trương Thị        | Hồng  | 18123191 | 13/04/2000 | 5.30    | 9.00    | 7.20 | x   |
| 148 | Nguyễn Đức        | Hoài  | 21154178 | 28/10/2003 | 9.20    | 5.90    | 7.60 | x   |
| 149 | Nguyễn Thanh      | Hoài  | 22157018 | 04/12/2004 | 4.30    | 2.50    | 3.40 |     |
| 150 | Trần Thu          | Hoài  | 22128054 | 22/07/2004 | 6.20    | 5.30    | 5.80 | x   |
| 151 | HUỲNH HUY         | HOÀNG | 23122392 | 16/12/2003 | 4.30    | 5.00    | 4.70 |     |
| 152 | Huỳnh Ngọc Kim    | Hoàng | 20126250 | 21/03/2002 | 5.50    | 6.40    | 6.00 | x   |
| 153 | Lưu Đức           | Hoàng | 21112455 | 09/12/2003 | 5.50    | 6.50    | 6.00 | x   |
| 154 | Ngô Thanh         | Hoàng | 21149156 | 08/05/2003 | 8.00    | 5.50    | 6.80 | x   |
| 155 | Nguyễn Tiến       | Hoàng | 15113164 | 19/06/1997 | 5.30    | 0.00    | 2.70 |     |
| 156 | PHAN VĂN MINH     | HOÀNG | 23138033 | 15/10/2005 | 8.90    | 8.00    | 8.50 | x   |
| 157 | Cao Tiến          | Hưng  | 21155099 | 26/02/2003 | 2.50    | 1.50    | 2.00 |     |
| 158 | HOA NGUYỄN        | HƯNG  | 23138036 | 18/04/2005 | 7.20    | 5.50    | 6.40 | x   |
| 159 | Nguyễn Quốc       | Hưng  | 22128059 | 19/03/2004 | 4.90    | 5.50    | 5.20 |     |
| 160 | ĐỖ THỊ LIÊN       | HƯNG  | 23128048 | 28/10/2005 | 2.70    | 8.00    | 5.40 |     |
| 161 | Hứa Minh          | Hòa   | 21118237 | 07/11/2003 | 4.60    | 2.30    | 3.50 |     |
| 162 | Nguyễn Phúc       | Hòa   | 21118238 | 01/01/2003 | 6.80    | 1.50    | 4.20 |     |
| 163 | Nguyễn Thanh      | Hòa   | 20116200 | 18/10/2002 | 3.60    | 0.00    | 1.80 |     |
| 164 | Nguyễn Thái       | Hòa   | 21129663 | 04/10/2003 | 6.60    | 9.90    | 8.30 | x   |
| 165 | Phạm Thành        | Hòa   | 20145025 | 12/01/2002 | 4.20    | 0.00    | 2.10 |     |
| 166 | Lê Thị Hồng       | Hương | 22128064 | 08/02/2004 | 7.90    | 9.50    | 8.70 | x   |
| 167 | Lê Thị Quỳnh      | Hương | 22128065 | 15/09/2003 | 7.20    | 2.50    | 4.90 |     |
| 168 | Đặng Hoài Giáng   | Hương | 21133019 | 17/11/2003 | 5.40    | 7.90    | 6.70 | x   |
| 169 | Nguyễn Thị Thiên  | Hương | 22129094 | 04/02/2004 | 7.80    | 7.30    | 7.60 | x   |
| 170 | Nguyễn Thị Thu    | Hương | 20113252 | 29/12/2001 | 7.00    | 5.00    | 6.00 | x   |
| 171 | Đoàn Thị Tuyết    | Hương | 20123259 | 26/12/2002 | 5.00    | 5.50    | 5.30 | x   |
| 172 | Nguyễn Bạch Thiên | Hữu   | 22123048 | 18/09/2004 | 6.50    | 8.50    | 7.50 | x   |
| 173 | Nguyễn Thế        | Hùng  | 21118248 | 15/06/2003 | 8.60    | 6.40    | 7.50 | x   |
| 174 | Cao Quang         | Huy   | 22145022 | 21/10/2004 | 6.40    | 2.00    | 4.20 |     |

KẾT QUẢ THI TIN HỌC  
Đợt thi tháng 07 năm 2025

Môn thi: Excel - P2

| STT | HỌ VÀ TÊN         |       | MÃ SV    | NGÀY SINH  | P2_EXTN | P2_EXTH | ĐIỂM | Đạt |
|-----|-------------------|-------|----------|------------|---------|---------|------|-----|
| 175 | Dương Gia         | Huy   | 21118254 | 13/11/2003 | 4.40    | 4.40    | 4.40 |     |
| 176 | Đặng Nhật         | Huy   | 21153023 | 07/01/2003 | 7.00    | 5.00    | 6.00 | x   |
| 177 | Nguyễn Trần Gia   | Huy   | 21118259 | 04/12/2003 | 5.10    | 0.90    | 3.00 |     |
| 178 | Nguyễn Văn Trưởng | Huy   | 21129683 | 06/07/2003 | 7.30    | 3.50    | 5.40 |     |
| 179 | Nguyễn Võ Nam     | Huy   | 22129099 | 14/01/2004 | 7.50    | 8.90    | 8.20 | x   |
| 180 | PHẠM QUANG        | HUY   | 23118035 | 14/04/2005 | 6.40    | 7.50    | 7.00 | x   |
| 181 | PHẠM QUỐC         | HUY   | 23138039 | 01/06/2005 | 5.00    | 5.50    | 5.30 | x   |
| 182 | Thái Từ           | Huy   | 22129100 | 10/06/2004 | 7.40    | 7.50    | 7.50 | x   |
| 183 | Tống Gia          | Huy   | 22129101 | 25/08/2004 | 6.80    | 4.00    | 5.40 |     |
| 184 | TRẦN HOÀNG        | HUY   | 23137027 | 06/08/2005 | 7.40    | 7.80    | 7.60 | x   |
| 185 | TRẦN QUỐC         | HUY   | 23126075 | 09/11/2005 | 7.00    | 6.90    | 7.00 | x   |
| 186 | Trịnh Kim         | Huy   | 21139305 | 20/01/2003 | 6.40    | 6.80    | 6.60 | x   |
| 187 | BÙI THỊ NGỌC      | HUYỀN | 23126076 | 15/04/2005 | 8.20    | 7.40    | 7.80 | x   |
| 188 | Lê Thị Kim        | Huyền | 22124082 | 01/05/2004 | 7.80    | 6.30    | 7.10 | x   |
| 189 | Nguyễn Ngọc       | Huyền | 22129102 | 27/09/2004 | 6.40    | 8.80    | 7.60 | x   |
| 190 | Nguyễn Thị Hải    | Huyền | 21124376 | 30/07/2003 | 5.70    | 0.00    | 2.90 |     |
| 191 | NGUYỄN THU        | HUYỀN | 23120068 | 09/07/2005 | 9.00    | 6.40    | 7.70 | x   |
| 192 | Phùng Thanh       | Huyền | 19128061 | 08/01/2001 | 6.90    | 6.00    | 6.50 | x   |
| 193 | Trần Ngọc         | Huyền | 22155044 | 09/11/2004 | 7.80    | 6.90    | 7.40 | x   |
| 194 | Tri               | Huyện | 22123051 | 29/09/2004 | 6.70    | 8.40    | 7.60 | x   |
| 195 | Cao Thị           | Huynh | 20126153 | 03/05/2001 | 2.90    | 3.00    | 3.00 |     |
| 196 | Dương Thị         | Huỳnh | 21128055 | 27/11/2003 | 6.60    | 5.00    | 5.80 | x   |
| 197 | Y Diu Mlô         | Kbuôr | 19128063 | 30/04/2001 | 7.40    | 5.90    | 6.70 | x   |
| 198 | ĐẶNG DUY          | KHANG | 23118040 | 09/12/2005 | 6.70    | 3.90    | 5.30 |     |
| 199 | NGUYỄN NHẬT       | KHANG | 23124089 | 14/11/2005 | 6.40    | 8.80    | 7.60 | x   |
| 200 | Nguyễn Văn        | Khang | 21122576 | 11/10/2003 | 5.00    | 6.90    | 6.00 | x   |
| 201 | Nguyễn Viết Vĩnh  | Khang | 18153033 | 18/10/2000 | 3.50    | 3.00    | 3.30 |     |
| 202 | Trần Duy          | Khang | 21129693 | 18/06/2003 | 7.20    | 7.00    | 7.10 | x   |
| 203 | Phạm Cát          | Khánh | 21112476 | 13/04/2003 | 7.80    | 8.30    | 8.10 | x   |

KẾT QUẢ THI TIN HỌC  
Đợt thi tháng 07 năm 2025

Môn thi: Excel - P2

| STT | HỌ VÀ TÊN           |      | MÃ SV    | NGÀY SINH  | P2_EXTN | P2_EXTH | ĐIỂM | Đạt |
|-----|---------------------|------|----------|------------|---------|---------|------|-----|
| 204 | Danh Võ Anh         | Khoa | 21118271 | 18/04/2003 | 6.80    | 5.00    | 5.90 | x   |
| 205 | Hồ Nguyễn Đăng      | Khoa | 20122345 | 07/10/2002 | 6.80    | 7.40    | 7.10 | x   |
| 206 | Nguyễn Đăng         | Khoa | 20111219 | 09/03/2002 | 7.20    | 3.90    | 5.60 |     |
| 207 | Phạm Huỳnh Đăng     | Khoa | 20122629 | 10/12/2002 | 2.60    | 2.40    | 2.50 |     |
| 208 | PHẠM THỊ YẾN        | KHOA | 23116035 | 07/12/2005 | 6.10    | 6.90    | 6.50 | x   |
| 209 | Trần Đăng           | Khoa | 21155106 | 05/01/2003 | 6.20    | 5.00    | 5.60 | x   |
| 210 | Trần Đình           | Khoa | 22128080 | 25/09/2004 | 3.60    | 1.50    | 2.60 |     |
| 211 | Trương Trần Châu    | Khoa | 21128231 | 17/11/2003 | 7.00    | 6.40    | 6.70 | x   |
| 212 | Nguyễn Hoàng        | Khôi | 21118277 | 16/10/2003 | 6.60    | 5.00    | 5.80 | x   |
| 213 | Đoàn Nguyễn Linh    | Khôi | 21154200 | 08/09/2003 | 6.60    | 5.40    | 6.00 | x   |
| 214 | Lê Minh             | Khuê | 18112332 | 01/10/2000 | 4.10    | 5.50    | 4.80 |     |
| 215 | Quách Đăng          | Kiên | 21153146 | 27/04/2003 | 5.20    | 5.00    | 5.10 | x   |
| 216 | LÊ GIA              | KIỆT | 23139035 | 28/11/2005 | 8.80    | 8.90    | 8.90 | x   |
| 217 | Lý Thường           | Kiệt | 16124239 | 05/05/1998 | 3.90    | 0.00    | 2.00 |     |
| 218 | PHAN NGUYỄN TUẤN    | KIỆT | 24111062 | 21/11/2005 | 4.30    | 4.00    | 4.20 |     |
| 219 | Trần Anh            | Kiệt | 21133096 | 09/11/2003 | 3.90    | 7.00    | 5.50 |     |
| 220 | DƯƠNG THỊ HỒNG      | KIM  | 23149052 | 16/04/2005 | 6.00    | 7.50    | 6.80 | x   |
| 221 | Hồ Lê Trần          | Kim  | 22122152 | 19/02/2004 | 8.20    | 7.40    | 7.80 | x   |
| 222 | Cao Nhân            | Kỳ   | 22145031 | 08/12/2003 | 5.90    | 2.50    | 4.20 |     |
| 223 | Nguyễn Vũ Xuân      | Kỳ   | 20113261 | 18/01/2002 | 3.40    | 0.00    | 1.70 |     |
| 224 | Hồ Thị              | Lâm  | 22129128 | 03/10/2004 | 5.60    | 4.40    | 5.00 |     |
| 225 | NGUYỄN NGỌC TÙNG    | LÂM  | 23120079 | 14/04/2005 | 5.50    | 7.00    | 6.30 | x   |
| 226 | NGUYỄN ĐỨC BÌNH     | LÂM  | 23138048 | 31/05/2005 | 5.50    | 8.50    | 7.00 | x   |
| 227 | Trần Phạm Trúc      | Lam  | 22129127 | 31/03/2004 | 6.80    | 8.80    | 7.80 | x   |
| 228 | Huỳnh Ngọc Thị Thuý | Lan  | 22120070 | 19/04/2004 | 7.20    | 5.90    | 6.60 | x   |
| 229 | Đặng Ngọc           | Lan  | 21113211 | 28/04/2003 | 4.60    | 3.40    | 4.00 |     |
| 230 | Nguyễn Thị Kim      | Lan  | 20127116 | 07/05/2002 | 3.90    | 7.00    | 5.50 |     |
| 231 | Nguyễn Trần Khánh   | Lan  | 20126281 | 05/06/2002 | 4.80    | 1.90    | 3.40 |     |
| 232 | Vũ Ngọc             | Lan  | 20128112 | 25/06/2002 | 5.60    | 3.00    | 4.30 |     |

KẾT QUẢ THI TIN HỌC  
Đợt thi tháng 07 năm 2025

Môn thi: Excel - P2

| STT | HỌ VÀ TÊN         |       | MÃ SV    | NGÀY SINH  | P2_EXTN | P2_EXTH | ĐIỂM | Đạt |
|-----|-------------------|-------|----------|------------|---------|---------|------|-----|
| 233 | Trần Thị Cẩm      | Lài   | 22129126 | 14/09/2004 | 7.20    | 6.40    | 6.80 | x   |
| 234 | Đinh Châu Hồng    | Lê    | 22129130 | 23/06/2004 | 6.60    | 9.50    | 8.10 | x   |
| 235 | VÕ THỊ NGỌC       | LIN   | 23126095 | 06/10/2005 | 8.10    | 7.80    | 8.00 | x   |
| 236 | Biện Khánh        | Linh  | 21112492 | 21/09/2003 | 7.30    | 8.90    | 8.10 | x   |
| 237 | Kim Thị           | Linh  | 22123063 | 31/05/2004 | 6.70    | 5.00    | 5.90 | x   |
| 238 | Nguyễn Anh Thùy   | Linh  | 20112266 | 03/09/2002 | 4.00    | 4.00    | 4.00 |     |
| 239 | NGUYỄN DƯƠNG THỰC | LINH  | 23122421 | 30/09/2005 | 3.80    | 0.00    | 1.90 |     |
| 240 | Nguyễn Thị Thùy   | Linh  | 21129724 | 30/05/2003 | 5.20    | 3.00    | 4.10 |     |
| 241 | Nguyễn Vũ Thuỳ    | Linh  | 21112498 | 30/10/2003 | 5.20    | 7.00    | 6.10 | x   |
| 242 | Đỗ Thị Quang      | Linh  | 21112348 | 02/03/2003 | 6.90    | 9.00    | 8.00 | x   |
| 243 | TRẦN THỊ MỸ       | LINH  | 23112109 | 19/03/2005 | 7.00    | 6.00    | 6.50 | x   |
| 244 | Trần Thị Thùy     | Linh  | 20126292 | 16/06/2002 | 4.30    | 5.00    | 4.70 |     |
| 245 | THẠCH PHƯỚC       | LỘC   | 23126102 | 19/01/2005 | 6.00    | 0.50    | 3.30 |     |
| 246 | LÊ ĐOÀN PHƯƠNG    | LOAN  | 23128073 | 19/10/2005 | 4.60    | 3.00    | 3.80 |     |
| 247 | NGUYỄN THỊ THÚY   | LOAN  | 23120088 | 08/08/2005 | 6.40    | 7.00    | 6.70 | x   |
| 248 | Nguyễn Xuân       | Lợi   | 21122606 | 16/07/2003 | 6.90    | 7.50    | 7.20 | x   |
| 249 | Dư Hiển           | Long  | 18139085 | 20/08/2000 | 5.20    | 5.00    | 5.10 | x   |
| 250 | Huỳnh Hải         | Long  | 18126086 | 02/04/2000 | 4.80    | 5.50    | 5.20 |     |
| 251 | HUỲNH NHẬT        | LONG  | 23138052 | 25/08/2005 | 7.60    | 7.80    | 7.70 | x   |
| 252 | Đặng Duy          | Long  | 15118054 | 22/06/1997 | 4.30    | 0.00    | 2.20 |     |
| 253 | Phạm Thị Kim      | Long  | 21133030 | 28/10/2003 | 6.00    | 7.00    | 6.50 | x   |
| 254 | NGUYỄN THÀNH      | LUÂN  | 23139039 | 17/08/2005 | 6.40    | 5.90    | 6.20 | x   |
| 255 | NGUYỄN HÙNG       | LUẬT  | 23139040 | 06/04/2005 | 7.00    | 7.80    | 7.40 | x   |
| 256 | TRẦN THỊ          | LUYẾN | 23120090 | 14/05/2005 | 7.60    | 9.00    | 8.30 | x   |
| 257 | HOÀNG TRÚC        | LY    | 23120091 | 15/12/2005 | 6.10    | 7.50    | 6.80 | x   |
| 258 | TĂNG GIA          | MÃN   | 23129230 | 18/02/2005 | 6.50    | 5.00    | 5.80 | x   |
| 259 | LÊ THỊ            | MAI   | 23120095 | 27/02/2005 | 7.60    | 6.90    | 7.30 | x   |
| 260 | NGÔ THỊ XUÂN      | MAI   | 23129226 | 30/09/2005 | 7.00    | 9.50    | 8.30 | x   |
| 261 | Nguyễn Thị Sao    | Mai   | 21112511 | 28/12/2003 | 4.60    | 5.50    | 5.10 |     |

KẾT QUẢ THI TIN HỌC  
Đợt thi tháng 07 năm 2025

Môn thi: Excel - P2

| STT | HỌ VÀ TÊN       |      | MÃ SV    | NGÀY SINH  | P2_EXTN | P2_EXTH | ĐIỂM | Đạt |
|-----|-----------------|------|----------|------------|---------|---------|------|-----|
| 262 | Nguyễn Thị Xuân | Mai  | 19126096 | 01/01/2001 | 5.40    | 3.00    | 4.20 |     |
| 263 | Trần Minh Ngọc  | Mai  | 21113229 | 15/08/2003 | 6.80    | 5.90    | 6.40 | x   |
| 264 | Trần Đức        | Mạnh | 21153151 | 21/04/2003 | 7.30    | 7.40    | 7.40 | x   |
| 265 | Đỗ Thị Diễm     | Mi   | 22113046 | 17/02/2004 | 5.70    | 0.00    | 2.90 |     |
| 266 | Mai Trần        | Minh | 19112345 | 26/06/2001 | 4.20    | 3.50    | 3.90 |     |
| 267 | Nguyễn Bữu      | Minh | 21154233 | 12/01/2003 | 5.60    | 5.40    | 5.50 | x   |
| 268 | Nguyễn Hoàng    | Minh | 21118307 | 13/06/2003 | 5.40    | 0.00    | 2.70 |     |
| 269 | Đoàn Hải        | Minh | 22115094 | 17/10/2004 | 6.90    | 6.40    | 6.70 | x   |
| 270 | Phạm Ngọc       | Minh | 21154235 | 02/11/2003 | 5.40    | 4.00    | 4.70 |     |
| 271 | Lê Thị Diễm     | My   | 22135065 | 01/01/2004 | 5.80    | 8.30    | 7.10 | x   |
| 272 | Đặng Phan Trà   | My   | 21129760 | 15/08/2003 | 6.90    | 7.50    | 7.20 | x   |
| 273 | NGÔ THỊ HÀ      | MY   | 23149065 | 22/10/2005 | 5.80    | 0.00    | 2.90 |     |
| 274 | Ngô Thị Hồng    | My   | 21129762 | 12/09/2003 | 6.50    | 7.40    | 7.00 | x   |
| 275 | Nguyễn Thị Trà  | My   | 22112465 | 06/11/2004 | 6.40    | 4.00    | 5.20 |     |
| 276 | Phạm Diễm       | My   | 22113047 | 29/09/2004 | 5.60    | 3.90    | 4.80 |     |
| 277 | VÕ NGỌC THẢO    | MY   | 23155073 | 13/01/2005 | 6.60    | 6.30    | 6.50 | x   |
| 278 | Võ Trà          | My   | 21120429 | 05/05/2003 | 4.90    | 3.00    | 4.00 |     |
| 279 | Nguyễn Văn Chi  | Mỹ   | 19111076 | 26/07/2001 | 5.50    | 6.90    | 6.20 | x   |
| 280 | Nguyễn Thị Chi  | Na   | 21120432 | 23/12/2003 | 4.90    | 4.50    | 4.70 |     |
| 281 | Trần Khải       | Đặng | 21153113 | 18/07/2003 | 7.60    | 7.00    | 7.30 | x   |
| 282 | Huỳnh Thành     | Đạt  | 21112364 | 18/02/2003 | 5.70    | 7.50    | 6.60 | x   |
| 283 | Lê Trần Tấn     | Đạt  | 21112756 | 04/03/2003 | 7.00    | 8.50    | 7.80 | x   |
| 284 | Mai Thành       | Đạt  | 22153016 | 24/12/2004 | 6.00    | 7.50    | 6.80 | x   |
| 285 | Đào Đức         | Đạt  | 21118199 | 16/04/2003 | 6.00    | 2.00    | 4.00 |     |
| 286 | Đào Thành       | Đạt  | 21133087 | 10/04/2003 | 5.00    | 4.00    | 4.50 |     |
| 287 | ĐÀO THÀNH       | ĐẠT  | 24128037 | 18/02/2005 | 4.70    | 3.00    | 3.90 |     |
| 288 | Tất Chí         | Đạt  | 21112407 | 09/05/2003 | 6.20    | 5.50    | 5.90 | x   |
| 289 | Võ Thành        | Đạt  | 22122047 | 01/04/2004 | 8.00    | 9.00    | 8.50 | x   |
| 290 | Nguyễn Phương   | Nam  | 21115174 | 22/10/2002 | 5.10    | 1.50    | 3.30 |     |

KẾT QUẢ THI TIN HỌC  
Đợt thi tháng 07 năm 2025

Môn thi: Excel - P2

| STT | HỌ VÀ TÊN          |       | MÃ SV    | NGÀY SINH  | P2_EXTN | P2_EXTH | ĐIỂM | Đạt |
|-----|--------------------|-------|----------|------------|---------|---------|------|-----|
| 291 | Nguyễn Thanh       | Nam   | 17153045 | 08/09/1999 | 5.20    | 2.90    | 4.10 |     |
| 292 | Nguyễn Trần Phương | Nam   | 21118314 | 06/04/2003 | 8.40    | 7.30    | 7.90 | x   |
| 293 | PHAN XUÂN          | NAM   | 23153036 | 26/12/2004 | 7.40    | 5.00    | 6.20 | x   |
| 294 | Trần Hoài          | Nam   | 21154238 | 13/07/2003 | 5.20    | 7.90    | 6.60 | x   |
| 295 | TRẦN ĐỨC           | NAM   | 23124124 | 07/09/2005 | 7.80    | 8.40    | 8.10 | x   |
| 296 | Lê Võ Xuân         | Đào   | 21120348 | 16/12/2003 | 7.00    | 6.80    | 6.90 | x   |
| 297 | Đỗ Anh             | Đào   | 19112366 | 01/05/2001 | 4.10    | 0.00    | 2.10 |     |
| 298 | Hoàng Thế Tiểu     | Đệ    | 21154149 | 11/08/2003 | 3.70    | 3.30    | 3.50 |     |
| 299 | NGUYỄN THỊ KIM     | NGA   | 23139051 | 22/06/2004 | 8.10    | 5.00    | 6.60 | x   |
| 300 | PHẠM THỊ           | NGA   | 23122397 | 31/07/2005 | 3.80    | 0.00    | 1.90 |     |
| 301 | Trần Thị Thúy      | Nga   | 21129775 | 01/10/2003 | 7.20    | 5.60    | 6.40 | x   |
| 302 | Võ Hoàng Thiên     | Nga   | 20127122 | 06/11/2002 | 4.20    | 2.50    | 3.40 |     |
| 303 | KIỀU THỊ MỸ        | NGÂN  | 23126121 | 25/02/2005 | 7.00    | 5.00    | 6.00 | x   |
| 304 | Lê Hoàng Thanh     | Ngân  | 20122402 | 16/01/2002 | 5.00    | 6.00    | 5.50 | x   |
| 305 | Nguyễn Đỗ Thùy     | Ngân  | 21139353 | 13/09/2003 | 5.40    | 5.50    | 5.50 | x   |
| 306 | NGUYỄN THỊ KIM     | NGÂN  | 23123060 | 30/11/2005 | 8.60    | 7.60    | 8.10 | x   |
| 307 | Nguyễn Thị Kim     | Ngân  | 20122631 | 28/03/2002 | 5.70    | 5.00    | 5.40 | x   |
| 308 | NGUYỄN THỊ THÚY    | NGÂN  | 23126123 | 14/11/2005 | 8.40    | 8.40    | 8.40 | x   |
| 309 | NGUYỄN VŨ THU      | NGÂN  | 23128096 | 25/03/2005 | 4.40    | 5.90    | 5.20 |     |
| 310 | Phạm Kim           | Ngân  | 22113050 | 07/01/2004 | 6.50    | 6.00    | 6.30 | x   |
| 311 | Thái Thị Kim       | Ngân  | 21139357 | 01/03/2003 | 4.30    | 9.00    | 6.70 |     |
| 312 | VÕ HUỲNH           | NGÂN  | 24149073 | 12/03/2006 | 4.60    | 6.50    | 5.60 |     |
| 313 | Hồ Thị Ngọc        | Ngà   | 22145038 | 03/04/2004 | 5.00    | 2.50    | 3.80 |     |
| 314 | Ngô Thị Mộng       | Nghi  | 22113051 | 10/10/2004 | 4.40    | 0.00    | 2.20 |     |
| 315 | Trần Gia           | Nghi  | 22113052 | 14/11/2004 | 4.80    | 7.00    | 5.90 |     |
| 316 | Phạm Trọng         | Nghĩa | 21153158 | 30/08/2003 | 6.80    | 6.80    | 6.80 | x   |
| 317 | Lê Kim             | Ngọc  | 22115039 | 13/10/2004 | 5.80    | 1.90    | 3.90 |     |
| 318 | Ngô Như            | Ngọc  | 22120106 | 01/01/2002 | 6.30    | 7.00    | 6.70 | x   |
| 319 | NGUYỄN THỊ YẾN     | NGỌC  | 23139055 | 04/01/2005 | 8.20    | 5.80    | 7.00 | x   |

KẾT QUẢ THI TIN HỌC  
Đợt thi tháng 07 năm 2025

Môn thi: Excel - P2

| STT | HỌ VÀ TÊN         |        | MÃ SV    | NGÀY SINH  | P2_EXTN | P2_EXTH | ĐIỂM | Đạt |
|-----|-------------------|--------|----------|------------|---------|---------|------|-----|
| 320 | THÂN              | NGỌC   | 23129279 | 05/10/2005 | 3.80    | 3.00    | 3.40 |     |
| 321 | TRẦN PHAN KHÁNH   | NGỌC   | 23112154 | 02/01/2005 | 7.00    | 9.00    | 8.00 | x   |
| 322 | Trương Hoài Hồng  | Ngọc   | 21149050 | 27/08/2003 | 3.30    | 3.00    | 3.20 |     |
| 323 | Nguyễn Thành      | Ngữ    | 18113102 | 26/02/2000 | 6.10    | 5.50    | 5.80 | x   |
| 324 | Mã Vinh           | Nguyên | 21154246 | 26/01/2003 | 6.80    | 7.50    | 7.20 | x   |
| 325 | Nguyễn Đoàn Thảo  | Nguyên | 22115041 | 24/11/2004 | 5.40    | 0.00    | 2.70 |     |
| 326 | Nguyễn Thị        | Nguyệt | 20124416 | 25/08/2002 | 7.30    | 9.40    | 8.40 | x   |
| 327 | Nguyễn Ai         | Nhân   | 22129199 | 27/01/2004 | 6.00    | 8.40    | 7.20 | x   |
| 328 | NGUYỄN LÊ         | NHÂN   | 23153039 | 28/12/2005 | 8.40    | 6.80    | 7.60 | x   |
| 329 | NGUYỄN TRUNG      | NHÂN   | 23139060 | 08/11/2005 | 4.70    | 2.50    | 3.60 |     |
| 330 | TỔNG HOÀNG        | NHÂN   | 23116059 | 29/03/2005 | 7.00    | 8.80    | 7.90 | x   |
| 331 | Trần Hoàng        | Nhân   | 22120115 | 04/07/2004 | 8.40    | 8.80    | 8.60 | x   |
| 332 | Trần Thanh        | Nhân   | 21153166 | 01/12/2003 | 6.70    | 8.40    | 7.60 | x   |
| 333 | Trần Phước        | Nhật   | 22120116 | 18/03/2004 | 6.70    | 5.00    | 5.90 | x   |
| 334 | Trình Ngọc        | Nhĩ    | 22129214 | 22/07/2004 | 6.40    | 6.00    | 6.20 | x   |
| 335 | LÊ THỊ TUYẾT      | NHAN   | 23124135 | 17/11/2005 | 6.40    | 3.90    | 5.20 |     |
| 336 | Nguyễn Thị Tú     | Nhã    | 21123256 | 08/02/2003 | 7.10    | 1.50    | 4.30 |     |
| 337 | Trần Thanh Phong  | Nhã    | 21133108 | 11/10/2003 | 4.90    | 1.90    | 3.40 |     |
| 338 | LÊ DƯƠNG TUYẾT    | NHI    | 23122423 | 29/08/2005 | 4.00    | 1.50    | 2.80 |     |
| 339 | Lê Hạnh           | Nhi    | 22124151 | 26/09/2004 | 7.40    | 6.00    | 6.70 | x   |
| 340 | LÊ THỊ YẾN        | NHI    | 23120117 | 12/02/2005 | 6.00    | 7.00    | 6.50 | x   |
| 341 | NGUYỄN LÂM PHƯƠNG | NHI    | 23129311 | 15/05/2005 | 5.80    | 1.50    | 3.70 |     |
| 342 | Nguyễn Quỳnh      | Nhi    | 22120121 | 13/02/2004 | 6.70    | 5.90    | 6.30 | x   |
| 343 | Nguyễn Quỳnh      | Nhi    | 21120457 | 27/04/2003 | 4.90    | 5.50    | 5.20 |     |
| 344 | Nguyễn Thanh Thảo | Nhi    | 22120122 | 02/04/2004 | 6.30    | 3.40    | 4.90 |     |
| 345 | Nguyễn Thị Oanh   | Nhi    | 22124152 | 07/07/2004 | 7.20    | 5.90    | 6.60 | x   |
| 346 | NGUYỄN THỊ YẾN    | NHI    | 23133014 | 04/08/2005 | 4.70    | 7.00    | 5.90 |     |
| 347 | Nguyễn Thị Yến    | Nhi    | 20116301 | 12/03/2002 | 3.40    | 0.00    | 1.70 |     |
| 348 | Phan Thị Yến      | Nhi    | 21120460 | 12/07/2003 | 4.20    | 0.00    | 2.10 |     |

KẾT QUẢ THI TIN HỌC  
Đợt thi tháng 07 năm 2025

Môn thi: Excel - P2

| STT | HỌ VÀ TÊN         |       | MÃ SV    | NGÀY SINH  | P2_EXTN | P2_EXTH | ĐIỂM | Đạt |
|-----|-------------------|-------|----------|------------|---------|---------|------|-----|
| 349 | Trần Thảo         | Nhi   | 22128135 | 05/08/2004 | 6.00    | 5.00    | 5.50 | x   |
| 350 | Văn Thị Yến       | Nhi   | 20112144 | 20/03/2002 | 5.80    | 6.40    | 6.10 | x   |
| 351 | Vũ Thụy Thùy      | Nhi   | 22149052 | 15/02/2004 | 6.20    | 7.90    | 7.10 | x   |
| 352 | Nguyễn Thị        | Nhiên | 22120127 | 10/05/2004 | 9.00    | 9.00    | 9.00 | x   |
| 353 | Lê Thị Huỳnh      | Như   | 22113059 | 24/07/2004 | 6.20    | 3.50    | 4.90 |     |
| 354 | LÊ THỊ Ý          | NHƯ   | 23122401 | 22/06/2005 | 4.30    | 1.50    | 2.90 |     |
| 355 | Hà Minh           | Nhật  | 22120134 | 24/11/2004 | 5.80    | 5.00    | 5.40 | x   |
| 356 | Nguyễn Thị Cẩm    | Nhung | 22128139 | 02/11/2004 | 7.40    | 7.50    | 7.50 | x   |
| 357 | Nguyễn Thị Phương | Nhung | 22123101 | 02/11/2004 | 7.60    | 6.30    | 7.00 | x   |
| 358 | ĐỒNG THỊ CẨM      | NHUNG | 23157052 | 13/08/2005 | 9.10    | 5.80    | 7.50 | x   |
| 359 | Vũ Thị Tuyết      | Nhung | 22123104 | 27/05/2004 | 6.40    | 6.30    | 6.40 | x   |
| 360 | Nguyễn Thị Thục   | Đoan  | 21155075 | 07/04/2003 | 3.40    | 0.00    | 1.70 |     |
| 361 | Trần Bình         | Định  | 20113224 | 01/11/2002 | 6.70    | 5.80    | 6.30 | x   |
| 362 | Lê Trọng          | Đức   | 21118205 | 28/10/2003 | 5.10    | 2.40    | 3.80 |     |
| 363 | Nguyễn Hữu        | Đức   | 22138022 | 19/05/2004 | 3.20    | 3.00    | 3.10 |     |
| 364 | Nguyễn Khả Trọng  | Đức   | 20113028 | 13/01/2002 | 4.50    | 6.00    | 5.30 |     |
| 365 | Nguyễn Minh       | Đức   | 21126305 | 23/10/2003 | 7.20    | 9.00    | 8.10 | x   |
| 366 | Dương Thị Kiều    | Oanh  | 20113304 | 09/04/2002 | 4.70    | 1.50    | 3.10 |     |
| 367 | Đặng Kiều         | Oanh  | 21123097 | 12/02/2003 | 6.50    | 7.40    | 7.00 | x   |
| 368 | Nguyễn Ngọc Tuyết | Oanh  | 21165023 | 13/09/2003 | 4.60    | 0.00    | 2.30 |     |
| 369 | Nguyễn Thị Kim    | Oanh  | 22122275 | 05/04/2004 | 4.70    | 1.50    | 3.10 |     |
| 370 | VÕ THỊ HỒNG       | OANH  | 23139065 | 16/08/2005 | 7.60    | 8.30    | 8.00 | x   |
| 371 | Nguyễn Tấn        | Phát  | 22113060 | 15/01/2004 | 6.60    | 9.00    | 7.80 | x   |
| 372 | Nguyễn Thuận      | Phát  | 21113259 | 30/01/2003 | 5.80    | 5.00    | 5.40 | x   |
| 373 | NGUYỄN TIẾN       | PHÁT  | 23139067 | 02/07/2005 | 4.70    | 6.80    | 5.80 |     |
| 374 | Đinh Công Đại     | Phát  | 20120077 | 10/05/2002 | 6.40    | 5.50    | 6.00 | x   |
| 375 | Đỗ Xuân           | Phát  | 21149229 | 04/12/2003 | 5.40    | 3.90    | 4.70 |     |
| 376 | TRÀ TIẾN          | PHÁT  | 23124165 | 24/02/2005 | 7.50    | 7.90    | 7.70 | x   |
| 377 | NGUYỄN HOÀI       | PHONG | 23118070 | 10/04/2005 | 8.00    | 7.30    | 7.70 | x   |

KẾT QUẢ THI TIN HỌC  
Đợt thi tháng 07 năm 2025

Môn thi: Excel - P2

| STT | HỌ VÀ TÊN        |        | MÃ SV    | NGÀY SINH  | P2_EXTN | P2_EXTH | ĐIỂM | Đạt |
|-----|------------------|--------|----------|------------|---------|---------|------|-----|
| 378 | Nguyễn Trường    | Phong  | 19118177 | 19/07/2001 | 6.80    | 3.90    | 5.40 |     |
| 379 | Trương Hồng      | Phong  | 21113261 | 11/01/2003 | 7.00    | 7.30    | 7.20 | x   |
| 380 | NGUYỄN HUỲNH KIM | PHƯỢNG | 23128255 | 12/01/2005 | 4.20    | 5.50    | 4.90 |     |
| 381 | Nguyễn Huỳnh Kim | Phượng | 21120212 | 21/11/2003 | 3.20    | 1.00    | 2.10 |     |
| 382 | NGUYỄN THỊ       | PHƯỢNG | 23122215 | 02/09/2005 | 7.60    | 7.80    | 7.70 | x   |
| 383 | Cao Thanh        | Phượng | 19149074 | 20/12/1996 | 7.40    | 5.40    | 6.40 | x   |
| 384 | Ngô Xuân Khánh   | Phượng | 21120484 | 23/04/2003 | 5.00    | 0.00    | 2.50 |     |
| 385 | Nguyễn Hoàng Mai | Phượng | 21139408 | 29/07/2003 | 7.50    | 7.40    | 7.50 | x   |
| 386 | Nguyễn Minh Thế  | Phượng | 16112668 | 28/07/1997 | 4.80    | 0.00    | 2.40 |     |
| 387 | NGUYỄN THỊ HOÀI  | PHƯỢNG | 23157054 | 26/10/2005 | 6.80    | 6.30    | 6.60 | x   |
| 388 | NGUYỄN TRẦN UYÊN | PHƯỢNG | 23120143 | 20/04/2005 | 6.70    | 1.50    | 4.10 |     |
| 389 | Nguyễn Trương Ai | Phượng | 21129869 | 21/04/2003 | 7.20    | 8.00    | 7.60 | x   |
| 390 | Vòng Quận        | Phượng | 20112332 | 03/06/2002 | 6.30    | 8.40    | 7.40 | x   |
| 391 | ĐINH HUỲNH NGỌC  | PHỤNG  | 23163026 | 01/12/2005 | 5.20    | 0.00    | 2.60 |     |
| 392 | Trần Anh         | Phụng  | 21139403 | 06/06/2003 | 6.60    | 6.50    | 6.60 | x   |
| 393 | Huỳnh Trọng      | Phú    | 20139294 | 12/03/2002 | 5.10    | 0.00    | 2.60 |     |
| 394 | Lê Quang         | Phú    | 21118336 | 09/09/2003 | 7.50    | 5.90    | 6.70 | x   |
| 395 | Nguyễn Thị       | Phú    | 21157093 | 17/02/2003 | 6.20    | 4.00    | 5.10 |     |
| 396 | Huỳnh Thanh      | Phúc   | 22149056 | 02/05/2004 | 5.60    | 7.50    | 6.60 | x   |
| 397 | Đinh Văn         | Phúc   | 20124446 | 09/12/2002 | 7.00    | 8.00    | 7.50 | x   |
| 398 | TRẦN TRỌNG       | PHÚC   | 23163025 | 26/11/2005 | 8.10    | 7.30    | 7.70 | x   |
| 399 | Trịnh Lê Hoàng   | Phúc   | 22149059 | 22/01/2004 | 5.40    | 5.30    | 5.40 | x   |
| 400 | Võ               | Phúc   | 19112376 | 19/09/2001 | 2.80    | 0.00    | 1.40 |     |
| 401 | Đỗ Minh          | Quân   | 20137039 | 17/11/2002 | 5.50    | 4.00    | 4.80 |     |
| 402 | Phạm Minh        | Quân   | 19123116 | 17/10/2001 | 5.10    | 5.30    | 5.20 | x   |
| 403 | TƯỜNG THẾ        | QUÂN   | 23149079 | 30/03/2005 | 2.70    | 1.50    | 2.10 |     |
| 404 | Võ Lê Minh       | Quân   | 20126343 | 13/09/2002 | 7.30    | 2.00    | 4.70 |     |
| 405 | Nguyễn Ngọc      | Quang  | 19125290 | 12/03/2001 | 3.40    | 0.00    | 1.70 |     |
| 406 | Nguyễn Thị Kim   | Quốc   | 20131100 | 26/08/2002 | 5.10    | 6.50    | 5.80 | x   |

KẾT QUẢ THI TIN HỌC  
Đợt thi tháng 07 năm 2025

Môn thi: Excel - P2

| STT | HỌ VÀ TÊN          |       | MÃ SV    | NGÀY SINH  | P2_EXTN | P2_EXTH | ĐIỂM | Đạt |
|-----|--------------------|-------|----------|------------|---------|---------|------|-----|
| 407 | Đào Duy            | Quốc  | 21118351 | 10/08/2003 | 8.60    | 8.80    | 8.70 | x   |
| 408 | Trần Văn           | Quốc  | 21126480 | 03/01/2003 | 4.90    | 0.00    | 2.50 |     |
| 409 | Đoàn Kim           | Quý   | 21111333 | 26/07/2003 | 6.90    | 6.00    | 6.50 | x   |
| 410 | Tăng Khả           | Quy   | 21125521 | 19/05/2002 | 7.60    | 6.50    | 7.10 | x   |
| 411 | Hà Phúc            | Quyên | 16111166 | 08/06/1996 | 6.80    | 3.90    | 5.40 |     |
| 412 | LÊ NGUYỄN KIM      | QUYÊN | 24129333 | 17/09/2006 | 7.10    | 7.00    | 7.10 | x   |
| 413 | Nguyễn Ngọc Phương | Quyên | 21128257 | 26/11/2003 | 4.60    | 7.50    | 6.10 |     |
| 414 | Nguyễn Ngọc Thảo   | Quyên | 17122230 | 18/10/1999 | 4.00    | 2.80    | 3.40 |     |
| 415 | Nguyễn Thị Yến     | Quyên | 19137055 | 12/04/2001 | 5.80    | 3.50    | 4.70 |     |
| 416 | VÕ THỊ TRÚC        | QUYÊN | 23126171 | 25/04/2005 | 6.20    | 7.30    | 6.80 | x   |
| 417 | Nguyễn Ngọc        | Quỳnh | 18153062 | 01/01/2000 | 5.30    | 0.00    | 2.70 |     |
| 418 | DƯƠNG XUÂN         | QUỲNH | 23112220 | 08/12/2005 | 6.70    | 7.50    | 7.10 | x   |
| 419 | Bùi Ngọc Như       | Quỳnh | 21120492 | 27/09/2003 | 6.90    | 5.00    | 6.00 | x   |
| 420 | Nguyễn Như         | Quỳnh | 22157047 | 16/07/2004 | 3.80    | 0.00    | 1.90 |     |
| 421 | Nguyễn Trúc        | Quỳnh | 22149067 | 20/11/2004 | 7.70    | 5.90    | 6.80 | x   |
| 422 | ĐINH NGỌC          | QUỲNH | 23122226 | 21/09/2005 | 7.80    | 5.40    | 6.60 | x   |
| 423 | PHAN NHƯ           | QUỲNH | 23128147 | 17/12/2005 | 6.60    | 1.80    | 4.20 |     |
| 424 | Trương Ngọc Thảo   | Quỳnh | 22128159 | 12/04/2004 | 5.40    | 6.50    | 6.00 | x   |
| 425 | Neáng Chanh Sêrây  | Rithy | 22120154 | 27/07/2004 | 6.20    | 1.00    | 3.60 |     |
| 426 | Ngô Minh           | Sang  | 22113070 | 07/04/2004 | 6.20    | 6.90    | 6.60 | x   |
| 427 | Nguyễn Hồng        | Sơn   | 18122234 | 10/11/2000 | 7.80    | 0.50    | 4.20 |     |
| 428 | Nguyễn Hoàng       | Sơn   | 22120156 | 28/02/2004 | 6.00    | 6.00    | 6.00 | x   |
| 429 | Nguyễn Trường      | Sơn   | 21138171 | 22/08/2003 | 6.00    | 6.30    | 6.20 | x   |
| 430 | Võ Tây             | Sơn   | 21129892 | 02/03/2003 | 5.10    | 5.50    | 5.30 | x   |
| 431 | NGUYỄN NGỌC        | SƯỜNG | 23122406 | 16/09/2005 | 4.50    | 2.50    | 3.50 |     |
| 432 | Nguyễn Hữu         | Sum   | 18154107 | 14/02/2000 | 5.00    | 1.50    | 3.30 |     |
| 433 | Hồ Minh            | Tâm   | 22112476 | 12/04/2004 | 6.50    | 4.00    | 5.30 |     |
| 434 | Huỳnh Thanh        | Tâm   | 20118247 | 10/01/2002 | 5.00    | 6.50    | 5.80 | x   |
| 435 | ĐOÀN NGUYỄN THÀNH  | TÂM   | 23139084 | 27/11/2005 | 7.30    | 3.50    | 5.40 |     |

KẾT QUẢ THI TIN HỌC  
Đợt thi tháng 07 năm 2025

Môn thi: Excel - P2

| STT | HỌ VÀ TÊN          |       | MÃ SV    | NGÀY SINH  | P2_EXTN | P2_EXTH | ĐIỂM | Đạt |
|-----|--------------------|-------|----------|------------|---------|---------|------|-----|
| 436 | Trần Lê Thế        | Tân   | 21118370 | 28/07/2003 | 6.20    | 3.90    | 5.10 |     |
| 437 | Vũ Duy             | Tân   | 20124467 | 19/01/2002 | 5.80    | 5.50    | 5.70 | x   |
| 438 | Nguyễn Anh         | Tài   | 20128259 | 30/09/2002 | 5.40    | 1.50    | 3.50 |     |
| 439 | Nguyễn Tấn         | Tài   | 22111100 | 08/11/2004 | 3.90    | 2.00    | 3.00 |     |
| 440 | Đỗ Đức             | Tài   | 15162040 | 19/11/1997 | 5.40    | 6.50    | 6.00 | x   |
| 441 | Trương Văn         | Tài   | 21115071 | 29/03/2003 | 7.00    | 1.50    | 4.30 |     |
| 442 | CHAU RÍT           | THA   | 23122239 | 19/04/2005 | 5.60    | 5.00    | 5.30 | x   |
| 443 | Trần Thị Thu       | Thấm  | 21123187 | 23/05/2002 | 5.20    | 3.00    | 4.10 |     |
| 444 | Trương Thị Hồng    | Thấm  | 21112788 | 20/04/2003 | 6.40    | 2.50    | 4.50 |     |
| 445 | Nguyễn Thi Quang   | Thắng | 19125322 | 16/08/2001 | 6.10    | 3.00    | 4.60 |     |
| 446 | NGUYỄN VI NGỌC     | THANH | 23126187 | 20/04/2005 | 6.80    | 5.50    | 6.20 | x   |
| 447 | VÕ THỊ HOÀI        | THANH | 23155115 | 21/10/2005 | 7.10    | 1.50    | 4.30 |     |
| 448 | Mai Công           | Thành | 21126500 | 24/08/2003 | 6.10    | 6.40    | 6.30 | x   |
| 449 | Mai Đức            | Thành | 21114044 | 28/10/2003 | 5.30    | 0.00    | 2.70 |     |
| 450 | Nguyễn Hữu         | Thành | 22111103 | 03/08/2004 | 3.80    | 5.00    | 4.40 |     |
| 451 | Nguyễn Minh        | Thành | 22135107 | 18/05/2004 | 4.90    | 5.00    | 5.00 |     |
| 452 | Hồ Thị Phương      | Thảo  | 20122619 | 23/10/2002 | 4.50    | 4.00    | 4.30 |     |
| 453 | Huỳnh Thị Phương   | Thảo  | 21128260 | 24/10/2003 | 6.40    | 6.50    | 6.50 | x   |
| 454 | Lê Phương          | Thảo  | 22122345 | 17/01/2004 | 6.20    | 5.00    | 5.60 | x   |
| 455 | Lê Thị Thanh       | Thảo  | 15132101 | 26/05/1997 | 6.00    | 3.50    | 4.80 |     |
| 456 | Lưu Thị Ngọc       | Thảo  | 22155104 | 21/04/2004 | 8.40    | 5.50    | 7.00 | x   |
| 457 | Nguyễn Ngọc Phương | Thảo  | 22128175 | 21/10/2004 | 3.40    | 5.30    | 4.40 |     |
| 458 | Trần Thị Thu       | Thảo  | 19149084 | 27/12/2001 | 7.60    | 5.90    | 6.80 | x   |
| 459 | Trương Ngọc Thanh  | Thảo  | 21133120 | 03/05/2003 | 7.20    | 7.40    | 7.30 | x   |
| 460 | Châu Thị Bích      | Thi   | 20126360 | 04/07/2002 | 4.20    | 3.00    | 3.60 |     |
| 461 | Ngô Nhã            | Thi   | 22149073 | 17/10/2004 | 7.00    | 3.00    | 5.00 |     |
| 462 | Trịnh Thị Ngọc     | Thi   | 20123271 | 03/11/2002 | 5.10    | 5.90    | 5.50 | x   |
| 463 | Phan Phước         | Thiên | 21111351 | 31/05/2003 | 6.30    | 6.50    | 6.40 | x   |
| 464 | Lê Đức             | Thiện | 21154320 | 17/03/2003 | 5.50    | 3.40    | 4.50 |     |

KẾT QUẢ THI TIN HỌC  
Đợt thi tháng 07 năm 2025

Môn thi: Excel - P2

| STT | HỌ VÀ TÊN         |        | MÃ SV    | NGÀY SINH  | P2_EXTN | P2_EXTH | ĐIỂM | Đạt |
|-----|-------------------|--------|----------|------------|---------|---------|------|-----|
| 465 | Nguyễn Ngọc       | Thiện  | 21163110 | 17/05/2003 | 5.40    | 3.90    | 4.70 |     |
| 466 | Bùi Thị Minh      | Thơ    | 21157104 | 25/04/2003 | 4.30    | 0.50    | 2.40 |     |
| 467 | LÊ TRẦN THANH     | THƠ    | 23122424 | 24/02/2005 | 3.50    | 1.50    | 2.50 |     |
| 468 | HỒ VÕ ANH         | THƯ    | 23127031 | 29/01/2005 | 5.20    | 5.00    | 5.10 | x   |
| 469 | Hoàng Nguyễn Anh  | Thư    | 22130350 | 08/03/2004 | 6.40    | 8.40    | 7.40 | x   |
| 470 | Hoàng Thị Minh    | Thư    | 22112319 | 29/03/2004 | 3.30    | 3.40    | 3.40 |     |
| 471 | Lê Minh           | Thư    | 21149081 | 25/12/2003 | 6.30    | 0.00    | 3.20 |     |
| 472 | Lê Đăng Minh      | Thư    | 22145080 | 22/09/2004 | 6.80    | 7.50    | 7.20 | x   |
| 473 | Lê Thị Minh       | Thư    | 21157105 | 27/11/2003 | 4.40    | 1.50    | 3.00 |     |
| 474 | Đăng Ngọc Anh     | Thư    | 22135115 | 26/10/2004 | 6.00    | 0.00    | 3.00 |     |
| 475 | Nguyễn Hồng Thanh | Thư    | 21139445 | 06/11/2003 | 6.60    | 8.90    | 7.80 | x   |
| 476 | Nguyễn Hoài Anh   | Thư    | 22125281 | 01/03/2004 | 4.70    | 7.00    | 5.90 |     |
| 477 | Nguyễn Hoàng Minh | Thư    | 21125943 | 01/12/2003 | 5.40    | 7.00    | 6.20 | x   |
| 478 | NGUYỄN THỊ MINH   | THƯ    | 23139096 | 25/05/2005 | 6.70    | 5.00    | 5.90 | x   |
| 479 | Nguyễn Trần Minh  | Thư    | 21120534 | 28/01/2003 | 4.60    | 1.90    | 3.30 |     |
| 480 | Trần Thị Minh     | Thư    | 16122004 | 05/09/1998 | 6.50    | 7.00    | 6.80 | x   |
| 481 | Võ Thị Thanh      | Thư    | 21111359 | 02/07/2003 | 5.90    | 9.00    | 7.50 | x   |
| 482 | Vũ Minh           | Thư    | 20127144 | 24/08/2002 | 6.00    | 0.50    | 3.30 |     |
| 483 | PHẠM KIM          | THOA   | 23126204 | 15/06/2005 | 5.20    | 2.40    | 3.80 |     |
| 484 | PHẠM THỊ KIM      | THOA   | 23155122 | 03/06/2005 | 6.60    | 5.00    | 5.80 | x   |
| 485 | Lê Trương Tấn     | Thoại  | 19139156 | 16/11/2001 | 5.40    | 2.00    | 3.70 |     |
| 486 | Nguyễn Châu Quốc  | Thông  | 22122362 | 21/10/2004 | 4.00    | 5.30    | 4.70 |     |
| 487 | Nguyễn Thị Anh    | Thông  | 20127143 | 17/05/2002 | 5.00    | 2.40    | 3.70 |     |
| 488 | Nguyễn Trần Hữu   | Thịnh  | 20113343 | 13/12/2002 | 4.80    | 2.50    | 3.70 |     |
| 489 | Lê Thị Hoài       | Thương | 21123280 | 07/08/2003 | 8.10    | 5.40    | 6.80 | x   |
| 490 | Nguyễn Thị Hoài   | Thương | 22123142 | 30/09/2004 | 7.60    | 8.40    | 8.00 | x   |
| 491 | Võ Công           | Thương | 21124509 | 20/10/2003 | 8.30    | 6.40    | 7.40 | x   |
| 492 | Vũ Nguyễn Hoài    | Thương | 22128195 | 02/03/2004 | 6.50    | 5.90    | 6.20 | x   |
| 493 | Vũ Song           | Thương | 22128196 | 26/09/2003 | 5.60    | 0.50    | 3.10 |     |

KẾT QUẢ THI TIN HỌC  
Đợt thi tháng 07 năm 2025

Môn thi: Excel - P2

| STT | HỌ VÀ TÊN         |        | MÃ SV    | NGÀY SINH  | P2_EXTN | P2_EXTH | ĐIỂM | Đạt |
|-----|-------------------|--------|----------|------------|---------|---------|------|-----|
| 494 | Võ Thị Mỹ         | Thường | 22129297 | 25/07/2004 | 6.70    | 8.00    | 7.40 | x   |
| 495 | Khưu Minh         | Thuận  | 21137143 | 04/11/2003 | 7.40    | 3.00    | 5.20 |     |
| 496 | Lê Minh           | Thuận  | 20135100 | 03/10/2002 | 6.40    | 5.00    | 5.70 | x   |
| 497 | Hoàng Thị Hồng    | Thúy   | 22128197 | 16/10/2004 | 7.20    | 5.50    | 6.40 | x   |
| 498 | Trần Thanh        | Thúy   | 22128198 | 24/12/2004 | 4.80    | 5.50    | 5.20 |     |
| 499 | Nguyễn Ngọc Anh   | Thy    | 21129971 | 16/03/2003 | 4.60    | 2.90    | 3.80 |     |
| 500 | Nguyễn Trang Minh | Thy    | 20122530 | 29/12/2002 | 6.40    | 5.00    | 5.70 | x   |
| 501 | Phạm Đào Ngọc     | Thy    | 21129973 | 25/10/2003 | 6.20    | 6.90    | 6.60 | x   |
| 502 | Trình Ngọc Anh    | Thy    | 21113311 | 06/09/2003 | 6.30    | 6.60    | 6.50 | x   |
| 503 | Đặng Thị Mỹ       | Tia    | 22135121 | 02/04/2004 | 5.20    | 6.50    | 5.90 | x   |
| 504 | Huỳnh Tấn         | Tiến   | 20113352 | 17/11/2002 | 5.60    | 5.00    | 5.30 | x   |
| 505 | Ngô Quốc          | Tiến   | 20122638 | 16/07/2001 | 6.10    | 5.00    | 5.60 | x   |
| 506 | Đỗ Nguyễn Hữu     | Tiến   | 21118387 | 06/09/2003 | 4.40    | 2.00    | 3.20 |     |
| 507 | Tăng Văn          | Tiến   | 21115226 | 23/12/2003 | 6.40    | 6.50    | 6.50 | x   |
| 508 | Lê Cẩm            | Tiên   | 21125415 | 05/08/2003 | 6.10    | 6.30    | 6.20 | x   |
| 509 | NGUYỄN THỊ MỸ     | TIÊN   | 23126225 | 17/04/2005 | 5.80    | 2.80    | 4.30 |     |
| 510 | PHẠM THỊ CẨM      | TIÊN   | 23122278 | 13/11/2005 | 7.40    | 5.40    | 6.40 | x   |
| 511 | Phạm Thuỷ         | Tiên   | 21157026 | 25/12/2003 | 7.30    | 5.30    | 6.30 | x   |
| 512 | Phan Thị Thủy     | Tiên   | 24112401 | 20/10/2006 | 4.10    | 2.00    | 3.10 |     |
| 513 | Võ Thị Ngọc       | Tiên   | 21157109 | 25/02/2003 | 3.40    | 0.00    | 1.70 |     |
| 514 | Bành Hữu          | Tinh   | 20126383 | 26/05/2002 | 6.20    | 3.00    | 4.60 |     |
| 515 | Nông Văn          | Tinh   | 17112224 | 04/03/1998 | 5.10    | 9.00    | 7.10 | x   |
| 516 | ĐẶNG THỦY MỸ      | TOÀN   | 23153060 | 06/10/2005 | 7.50    | 5.90    | 6.70 | x   |
| 517 | VĂN SỸ            | TOÀN   | 23153063 | 16/09/2005 | 6.80    | 1.50    | 4.20 |     |
| 518 | Nguyễn Trần Quốc  | Toản   | 21154336 | 01/01/2003 | 3.30    | 2.00    | 2.70 |     |
| 519 | Nguyễn Bá Công    | Tịnh   | 20111311 | 07/07/2002 | 3.60    | 1.40    | 2.50 |     |
| 520 | Phạm Thị Lam      | Tường  | 20111325 | 03/03/2002 | 5.40    | 1.50    | 3.50 |     |
| 521 | Uông Mạnh         | Tường  | 21120578 | 24/01/2003 | 4.50    | 3.50    | 4.00 |     |
| 522 | HUỲNH NGỌC        | TRÂM   | 23124243 | 16/07/2005 | 7.60    | 9.50    | 8.60 | x   |

KẾT QUẢ THI TIN HỌC  
Đợt thi tháng 07 năm 2025

Môn thi: Excel - P2

| STT | HỌ VÀ TÊN        |       | MÃ SV    | NGÀY SINH  | P2_EXTN | P2_EXTH | ĐIỂM | Đạt |
|-----|------------------|-------|----------|------------|---------|---------|------|-----|
| 523 | Nguyễn Bảo       | Trâm  | 22124221 | 01/09/2004 | 4.80    | 1.50    | 3.20 |     |
| 524 | Nguyễn Ngọc      | Trâm  | 21145080 | 30/01/2003 | 6.50    | 8.90    | 7.70 | x   |
| 525 | Nguyễn Ngọc      | Trâm  | 17116162 | 11/04/1999 | 5.80    | 5.90    | 5.90 | x   |
| 526 | Phan Thị Ngọc    | Trâm  | 20115303 | 21/04/2002 | 6.30    | 3.00    | 4.70 |     |
| 527 | Trần Mai Ngọc    | Trâm  | 21122761 | 09/09/2003 | 8.20    | 5.00    | 6.60 | x   |
| 528 | TRẦN NGỌC BÍCH   | TRÂM  | 23149102 | 07/10/2005 | 4.50    | 1.50    | 3.00 |     |
| 529 | Huỳnh Trân       | Trân  | 20120313 | 31/10/2002 | 4.80    | 8.00    | 6.40 |     |
| 530 | Lê Quí           | Trân  | 21120550 | 15/06/2003 | 3.70    | 5.50    | 4.60 |     |
| 531 | NGUYỄN KIỀU VI   | TRÂN  | 23126238 | 25/11/2004 | 6.40    | 8.40    | 7.40 | x   |
| 532 | Nguyễn Lê Bảo    | Trân  | 21120551 | 11/09/2003 | 6.90    | 5.50    | 6.20 | x   |
| 533 | Nguyễn Ngọc      | Trân  | 22122403 | 07/03/2003 | 7.00    | 7.40    | 7.20 | x   |
| 534 | Võ Thị Mỹ        | Trân  | 21116089 | 05/07/2003 | 4.50    | 6.50    | 5.50 |     |
| 535 | Bùi Thùy         | Trang | 21126549 | 04/09/2003 | 7.10    | 7.50    | 7.30 | x   |
| 536 | Ka               | Trang | 21120555 | 12/09/2003 | 5.20    | 3.00    | 4.10 |     |
| 537 | Ngô Huyền        | Trang | 22129329 | 13/07/2004 | 5.80    | 2.90    | 4.40 |     |
| 538 | NGÔ THỊ THÙY     | TRANG | 23139104 | 13/03/2005 | 6.90    | 6.40    | 6.70 | x   |
| 539 | NGUYỄN LÊ THANH  | TRANG | 23112274 | 19/01/2005 | 8.40    | 8.40    | 8.40 | x   |
| 540 | Nguyễn Thị Thùy  | Trang | 22122411 | 10/02/2004 | 6.00    | 3.50    | 4.80 |     |
| 541 | Nguyễn Thùy      | Trang | 21112354 | 05/12/2003 | 6.60    | 6.40    | 6.50 | x   |
| 542 | Đinh Thị Thùy    | Trang | 21157116 | 09/09/2003 | 3.20    | 0.00    | 1.60 |     |
| 543 | Phạm Trần Thảo   | Trang | 19128187 | 26/05/2000 | 6.60    | 3.00    | 4.80 |     |
| 544 | Trần Thị Thuỳ    | Trang | 22139131 | 16/02/2004 | 6.40    | 5.00    | 5.70 | x   |
| 545 | Huỳnh Trọng      | Triều | 20116305 | 04/04/2001 | 5.00    | 5.00    | 5.00 | x   |
| 546 | Lê Hoàng Thủy    | Triều | 21129547 | 31/01/2003 | 7.00    | 6.50    | 6.80 | x   |
| 547 | NGUYỄN NGỌC THÙY | TRINH | 23122303 | 28/02/2005 | 6.80    | 0.00    | 3.40 |     |
| 548 | NGUYỄN THỊ MỸ    | TRINH | 23120205 | 02/12/2005 | 7.00    | 8.90    | 8.00 | x   |
| 549 | Đoàn Huỳnh Mai   | Trinh | 22128214 | 21/05/2004 | 7.10    | 0.00    | 3.60 |     |
| 550 | Trương Thị Hoài  | Trinh | 19112403 | 27/07/2000 | 4.20    | 2.50    | 3.40 |     |
| 551 | Huỳnh Hồ Trung   | Trực  | 15526144 | 23/12/1997 | 7.60    | 5.00    | 6.30 | x   |

KẾT QUẢ THI TIN HỌC  
Đợt thi tháng 07 năm 2025

Môn thi: Excel - P2

| STT | HỌ VÀ TÊN          |        | MÃ SV    | NGÀY SINH  | P2_EXTN | P2_EXTH | ĐIỂM | Đạt |
|-----|--------------------|--------|----------|------------|---------|---------|------|-----|
| 552 | Nguyễn Minh        | Trực   | 17149184 | 02/09/1999 | 5.40    | 5.40    | 5.40 | x   |
| 553 | Lê Hữu             | Trọng  | 20111318 | 04/07/2002 | 5.90    | 6.00    | 6.00 | x   |
| 554 | Nguyễn Lê Xuân     | Trường | 21120570 | 05/12/2003 | 6.40    | 7.00    | 6.70 | x   |
| 555 | Nguyễn Tuấn        | Trường | 21120571 | 06/02/2003 | 4.10    | 5.40    | 4.80 |     |
| 556 | Trần Phi           | Trường | 22120199 | 26/07/2004 | 5.80    | 7.50    | 6.70 | x   |
| 557 | NGUYỄN PHẠM QUỐC   | TRUNG  | 23124262 | 12/10/2005 | 5.50    | 3.00    | 4.30 |     |
| 558 | Chung Huỳnh Thanh  | Trúc   | 22129338 | 18/03/2004 | 5.30    | 8.40    | 6.90 | x   |
| 559 | HỒ THANH           | TRÚC   | 23120206 | 11/07/2005 | 5.90    | 3.00    | 4.50 |     |
| 560 | Nguyễn Đặng Xuân   | Trúc   | 20125772 | 09/10/2002 | 6.60    | 1.50    | 4.10 |     |
| 561 | NGUYỄN PHAN THANH  | TRÚC   | 23126254 | 24/07/2005 | 6.50    | 2.40    | 4.50 |     |
| 562 | NGUYỄN THỊ HUỆ     | TRÚC   | 23149108 | 27/09/2005 | 4.10    | 2.90    | 3.50 |     |
| 563 | TRẦN THỊ MỘNG      | TRÚC   | 23112283 | 22/08/2005 | 7.40    | 5.00    | 6.20 | x   |
| 564 | TRƯƠNG HỒNG NHÃ    | TRÚC   | 23128192 | 23/09/2005 | 6.30    | 6.50    | 6.40 | x   |
| 565 | Lê Văn Anh         | Tuấn   | 21129642 | 12/07/2003 | 6.30    | 3.00    | 4.70 |     |
| 566 | NGUYỄN DƯƠNG HOÀNG | TUẤN   | 23112289 | 25/01/2005 | 7.60    | 6.40    | 7.00 | x   |
| 567 | Nguyễn Trần Quốc   | Tuấn   | 22120202 | 13/11/2004 | 6.20    | 7.90    | 7.10 | x   |
| 568 | Phạm Hữu Thanh     | Tuấn   | 21118411 | 01/11/2003 | 5.80    | 0.00    | 2.90 |     |
| 569 | Phạm Minh          | Tùng   | 22120204 | 16/07/2004 | 7.20    | 5.40    | 6.30 | x   |
| 570 | LÊ VĂN THANH       | TÚ     | 23163035 | 12/03/2005 | 7.40    | 6.40    | 6.90 | x   |
| 571 | Trần Thanh         | Tú     | 18122332 | 12/05/2000 | 7.30    | 8.50    | 7.90 | x   |
| 572 | Trần Huỳnh Thanh   | Tuyển  | 21118418 | 24/03/2003 | 4.40    | 1.50    | 3.00 |     |
| 573 | Hồ Thị Thanh       | Tuyển  | 22128226 | 18/02/2004 | 8.00    | 5.00    | 6.50 | x   |
| 574 | HUỲNH THỊ THANH    | TUYỂN  | 23123125 | 08/12/2005 | 5.10    | 6.40    | 5.80 | x   |
| 575 | Ngô Thanh          | Tuyển  | 20111134 | 28/03/2002 | 5.00    | 0.00    | 2.50 |     |
| 576 | Nguyễn Ngọc Sơn    | Tuyển  | 21113341 | 21/03/2003 | 5.50    | 5.00    | 5.30 | x   |
| 577 | NGUYỄN TRẦN NHƯ    | TUYỂN  | 24111164 |            | 4.90    | 1.00    | 3.00 |     |
| 578 | Nguyễn Hà Anh      | Tuyệt  | 21120586 | 25/11/2003 | 8.40    | 8.00    | 8.20 | x   |
| 579 | TRẦN THỊ DIỆU      | TUYẾT  | 23122414 | 10/09/2005 | 3.70    | 1.50    | 2.60 |     |
| 580 | Trần Thị Ngọc      | Tuyệt  | 19149104 | 12/10/2001 | 4.70    | 2.40    | 3.60 |     |

KẾT QUẢ THI TIN HỌC  
Đợt thi tháng 07 năm 2025

Môn thi: Excel - P2

| STT | HỌ VÀ TÊN               | MÃ SV    | NGÀY SINH  | P2_EXTN | P2_EXTH | ĐIỂM | Đạt |
|-----|-------------------------|----------|------------|---------|---------|------|-----|
| 581 | NGUYỄN KIM UYÊN         | 23122325 | 30/09/2005 | 4.20    | 3.00    | 3.60 |     |
| 582 | NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG UYÊN | 23120215 | 20/04/2005 | 5.00    | 3.00    | 4.00 |     |
| 583 | Nguyễn Đình Phương Uyên | 22120210 | 09/04/2004 | 7.20    | 8.50    | 7.90 | x   |
| 584 | Nguyễn Thị Như Uyên     | 22129351 | 15/09/2004 | 7.60    | 5.00    | 6.30 | x   |
| 585 | Nguyễn Thị Yến Uyên     | 22157060 | 20/03/2004 | 5.50    | 0.00    | 2.80 |     |
| 586 | Lê Thị Thùy Vân         | 20149255 | 01/12/2002 | 4.70    | 4.50    | 4.60 |     |
| 587 | Trần Song Phương Vi     | 21112714 | 04/09/2003 | 5.40    | 6.40    | 5.90 | x   |
| 588 | Lý Thị Xuân Việt        | 21155184 | 19/11/2003 | 7.00    | 2.50    | 4.80 |     |
| 589 | Trương Quốc Việt        | 22124249 | 01/09/2004 | 7.30    | 5.00    | 6.20 | x   |
| 590 | Nguyễn Hồ Phú Vinh      | 18118183 | 29/01/2000 | 6.20    | 3.50    | 4.90 |     |
| 591 | Nguyễn Phúc Vinh        | 18111142 | 02/08/2000 | 4.80    | 5.50    | 5.20 |     |
| 592 | Nguyễn Văn Vinh         | 21165030 | 24/01/2003 | 3.00    | 0.00    | 1.50 |     |
| 593 | Thạch Vinh              | 21126259 | 17/09/2002 | 3.90    | 2.00    | 3.00 |     |
| 594 | Trần Quang Vinh         | 20138149 | 05/01/2002 | 3.50    | 0.00    | 1.80 |     |
| 595 | BÙI QUỐC VĨNH           | 23128202 | 19/05/2005 | 6.40    | 8.50    | 7.50 | x   |
| 596 | Trần Tấn Võ             | 21115106 | 23/12/2003 | 3.10    | 5.50    | 4.30 |     |
| 597 | Đổng Thị Mỹ Vui         | 22129362 | 28/05/2004 | 6.70    | 8.40    | 7.60 | x   |
| 598 | Hồ Mai Minh Vũ          | 21154361 | 11/10/2003 | 5.50    | 5.50    | 5.50 | x   |
| 599 | BÙI TRẦN THẢO VY        | 23139122 | 20/10/2005 | 7.20    | 5.00    | 6.10 | x   |
| 600 | CAO THỊ TRIỆU VY        | 23128204 | 20/02/2005 | 7.50    | 6.40    | 7.00 | x   |
| 601 | Châu Thảo Vy            | 20111338 | 25/11/2002 | 5.60    | 0.00    | 2.80 |     |
| 602 | Hồ Yến Vy               | 18112256 | 06/07/2000 | 5.80    | 6.50    | 6.20 | x   |
| 603 | NGUYỄN THỊ CẨM VY       | 23122340 | 02/02/2005 | 7.40    | 5.00    | 6.20 | x   |
| 604 | Đỗ Ngọc Phương Vy       | 22128241 | 16/11/2004 | 4.80    | 1.50    | 3.20 |     |
| 605 | SCHMUCK YẾN VY          | 23112314 | 28/03/2005 | 5.40    | 7.00    | 6.20 | x   |
| 606 | THÁI THANH THANH VY     | 23124284 | 31/12/2005 | 6.00    | 4.00    | 5.00 |     |
| 607 | TRẦN NGUYỄN TƯỜNG VY    | 23112315 | 09/04/2005 | 7.20    | 8.50    | 7.90 | x   |
| 608 | Võ Mai Yến Vy           | 21139505 | 19/11/2003 | 7.10    | 5.00    | 6.10 | x   |
| 609 | Trần Đình Xuân          | 21118434 | 08/01/2003 | 3.50    | 2.90    | 3.20 |     |

KẾT QUẢ THI TIN HỌC  
Đợt thi tháng 07 năm 2025

Môn thi: Excel - P2

| STT | HỌ VÀ TÊN        |     | MÃ SV    | NGÀY SINH  | P2_EXTN | P2_EXTH | ĐIỂM | Đạt |
|-----|------------------|-----|----------|------------|---------|---------|------|-----|
| 610 | Lê Ngọc          | Yến | 21124278 | 19/11/2003 | 5.40    | 7.00    | 6.20 | x   |
| 611 | LÊ NGUYỄN BẢO    | YẾN | 23149118 | 23/07/2005 | 2.90    | 1.50    | 2.20 |     |
| 612 | Nguyễn Hoàng Kim | Yến | 22113100 | 11/05/2004 | 3.70    | 1.00    | 2.40 |     |
| 613 | NGUYỄN NGỌC HẢI  | YẾN | 23122357 | 27/01/2005 | 7.50    | 2.90    | 5.20 |     |
| 614 | Nguyễn Thị       | Yến | 21120611 | 16/01/2003 | 5.30    | 7.50    | 6.40 | x   |
| 615 | Nguyễn Thị Hoàng | Yến | 22125372 | 07/10/2004 | 6.40    | 8.30    | 7.40 | x   |
| 616 | Phạm Thị Hồng    | Yến | 22113101 | 14/08/2004 | 5.90    | 5.00    | 5.50 | x   |
| 617 | Phạm Thị Thu     | Yến | 21163061 | 23/03/2003 | 6.40    | 3.50    | 5.00 |     |
| 618 | Sơn Thị Ngọc     | Yến | 19125581 | 28/07/2000 | 5.10    | 1.50    | 3.30 |     |
| 619 | Nguyễn Thị Như   | Y   | 20113187 | 25/11/2002 | 4.40    | 0.10    | 2.30 |     |
| 620 | PHẠM THỊ NHƯ     | Ý   | 23124289 | 17/07/2005 | 7.60    | 3.00    | 5.30 |     |

TRUNG TÂM TIN HỌC